

BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH KHU ĐẤT

Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập từ bản đồ địa chính số 36, 37, 42, 43 phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

Đề phê duyệt phương án bồi thường và lập thủ tục thu hồi đất

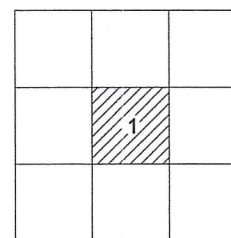
Dự án: Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động

Địa điểm: Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

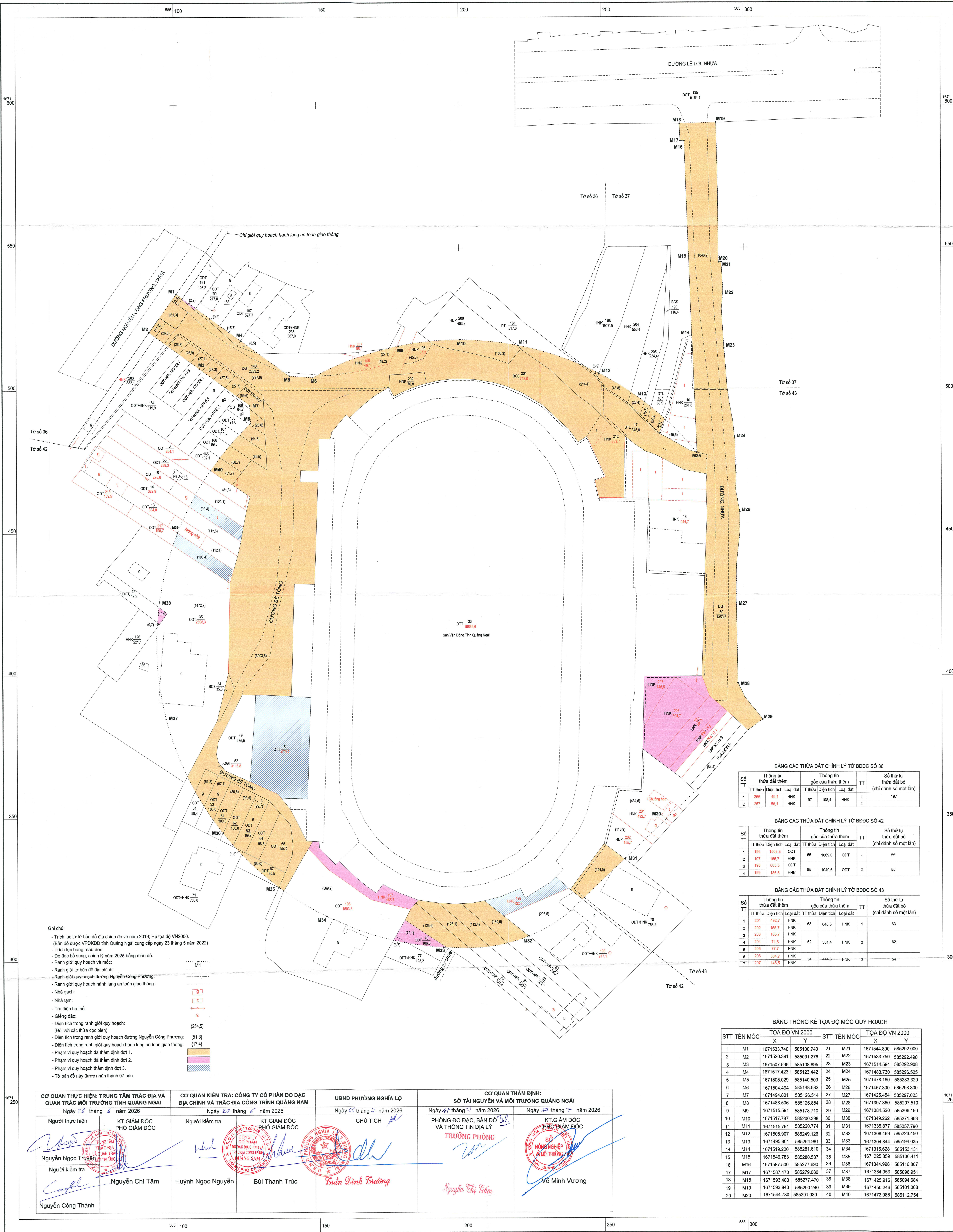
Tổng diện tích: 53.709,8 m²

Diện tích quy hoạch: 36.684,7 m² (trong đó: Có 51,3 m² thuộc dự án đường Nguyễn Công Phương; 24,6 m² nằm trong quy hoạch hành lang an toàn giao thông; 19.836,6 m² thuộc sân vận động hiện hữu)

Diện tích thẩm định đợt 3: 1.283,9 m² - Diện tích quy hoạch thẩm định đợt 3: 1.019,4 m²



TỈNH QUẢNG NGÃI - PHƯỜNG NGHĨA LỘ



BẢNG CÁC THỪA ĐẤT CHÍNH LÝ TỜ BĐDC SỐ 36					
Số TT	Thông tin thửa đất thêm	Thông tin gốc của thửa thêm	TT	Số thửa tự thửa đất bỏ (chỉ đánh số một lần)	
1	201 48,1 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	1	197	
2	257 56,1 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	2		

BẢNG CÁC THỪA ĐẤT CHÍNH LÝ TỜ BĐDC SỐ 42					
Số TT	Thông tin thửa đất thêm	Thông tin gốc của thửa thêm	TT	Số thửa tự thửa đất bỏ (chỉ đánh số một lần)	
1	198 150,3 COT	TT thửa Diện tích Loại đất	1	66	
2	197 166,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	2		
3	198 883,5 COT	TT thửa Diện tích Loại đất	3	65	
4	199 186,5 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	4		

BẢNG CÁC THỪA ĐẤT CHÍNH LÝ TỜ BĐDC SỐ 43					
Số TT	Thông tin thửa đất thêm	Thông tin gốc của thửa thêm	TT	Số thửa tự thửa đất bỏ (chỉ đánh số một lần)	
1	201 482,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	1	63	
2	202 155,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	2		
3	203 165,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	3		
4	204 71,9 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	4	62	
5	205 71,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	5		
6	206 304,7 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	6		
7	207 146,5 HNK	TT thửa Diện tích Loại đất	7	54	

BẢNG THÔNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC QUY HOẠCH					
STT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ VN 2000	STT	TÊN MỐC	TỌA ĐỘ VN 2000
1	M1	1671533.740 585100.740	21	M21	1671544.800 585292.000
2	M2	1671520.391 585091.276	22	M22	1671533.750 585292.490
3	M3	1671507.596 585108.895	23	M23	1671514.594 585292.908
4	M4	1671517.423 585123.442	24	M24	1671483.730 585296.525
5	M5	1671505.029 585140.509	25	M25	1671478.160 585283.320
6	M6	1671504.494 585148.882	26	M26	1671457.300 585298.300
7	M7	1671494.801 585126.514	27	M27	1671425.454 585297.023
8	M8	1671488.506 585126.854	28	M28	1671397.360 585297.510
9	M9	1671515.591 585178.710	29	M29	1671384.520 585306.190
10	M10	1671517.787 585200.398	30	M30	1671349.282 585271.863
11	M11	1671515.791 585220.774	31	M31	1671335.877 585257.790
12	M12	1671505.907 585249.128	32	M32	1671308.499 585223.450
13	M13	1671495.861 585264.981	33	M33	1671304.844 585194.035
14	M14	1671519.220 585281.810	34	M34	1671315.628 585153.131
15	M15	1671546.783 585280.587	35	M35	1671325.859 585136.411
16	M16	1671587.500 585277.690	36	M36	1671344.998 585116.807
17	M17	1671587.470 585276.080	37	M37	1671384.963 585098.951
18	M18	1671593.480 585277.470	38	M38	1671425.916 585094.884
19	M19	1671593.840 585280.240	39	M39	1671450.246 585101.068
20	M20	1671544.780 585291.080	40	M40	1671472.086 585112.754

Ghi chú:

- Trích lục từ bản đồ địa chính do vẽ năm 2019; Hệ tọa độ VN2000.
- (Bản đồ được VPKĐDD tỉnh Quảng Ngãi cung cấp ngày 23 tháng 5 năm 2022)
- Trích lục bằng màu đen.
- Đo đạc bổ sung, chỉnh lý năm 2026 bằng màu đỏ.
- Ranh giới quy hoạch và mốc:
- Ranh giới từ bản đồ địa chính:
- Ranh giới quy hoạch đường Nguyễn Công Phương:
- Ranh giới quy hoạch hành lang an toàn giao thông:
- Nhà gạch:
- Nhà tạm:
- Trụ điện hạ thế:
- Giếng đào:
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch:
- (Đối với các thửa dọc biên)
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch đường Nguyễn Công Phương:
- Diện tích trong ranh giới quy hoạch hành lang an toàn giao thông:
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 1.
- Phạm vi quy hoạch đã thẩm định đợt 2.
- Phạm vi quy hoạch thẩm định đợt 3.
- Từ bản đồ này được nhân thành 07 bản.

CƠ QUAN THỰC HIỆN: TRUNG TÂM TRẮC ĐỊA VÀ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI		CƠ QUAN KIỂM TRA: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH VÀ TRẮC ĐỊA CÔNG TRÌNH QUẢNG NAM		UBND PHƯỜNG NGHĨA LỘ		CƠ QUAN THẨM ĐỊNH: SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG QUẢNG NGÃI	
Ngày 26 tháng 6 năm 2026		Ngày 27 tháng 6 năm 2026		Ngày 06 tháng 7 năm 2026		Ngày 17 tháng 7 năm 2026	
Người thực hiện	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	Người kiểm tra	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH		Người thẩm định	KT. GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Truyền		Huỳnh Ngọc Nguyễn	Bùi Thanh Trúc	Trần Đình Tường		Vũ Minh Vương	
Người kiểm tra	Nguyễn Chi Tâm						
Nguyễn Công Thành							

TỈ LỆ 1:500
1 cm trên bản đồ bằng 5 m trên thực địa

THÀNH 1 TỜ
TỔNG SỐ THỪA: 80

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH, LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG THEO HIỆN TRẠNG

Dự án: Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động

Địa điểm: Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

(Diện tích thẩm định đợt 3)

(Tờ 1. DVT: m²)

STT	Bản đồ được đo đạc bổ sung, chỉnh lý và biên tập năm 2026 tỷ lệ 1/500						Bản đồ địa chính đo vẽ năm 2019 tỷ lệ 1:500							Ghi chú
	Tên chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ số	Thửa số				Tờ bản đồ số	Thửa số	Diện tích (m2)	Loại đất	Giấy CNQSDĐ số			
				Chỉnh lý	Quy hoạch	Loại đất					Số vào sổ	Số phát hành	Ngày cấp	
1	Bà Nguyễn Thị Bé	1	15	275.6	98.4	ODT	42	15	264.5	ODT	AA 02780107	CX 04	15/12/2025	
2	Sở VH TT và Du Lịch Quảng Ngãi	1	51	679.7	679.7	DTT	42	51	679.7	ODT				
3	UBND phường	1	199	132.9	132.9	HNK	42	85	1049.6	ODT				
4	Bà Nguyễn Thị Bé	1	217	195.7	108.4	ODT	42	12	345.8	ODT	AA 02780108	CX 05	8/1/2026	
Tổng cộng			4	1283.9	1019.4									

Ngày 29 tháng 6 năm 2026

TRUNG TÂM TRẮC ĐỊA VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI
NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Truyền

Nguyễn Công Thành

Nguyễn Chí Tâm

Ngày tháng năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG NGHĨA LỘ

Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị
Chuyên viên

Chủ tịch

Trưởng phòng

Trưởng phòng

Mai Văn Chánh

Trần Đình Trường

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH

Dự án: Nâng cấp, cải tạo sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động

Địa điểm: Phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi

(Diện tích thẩm định đợt 3)

(Tờ 1. ĐVT: m²)

Diện tích	Đất nông nghiệp (1)		Đất phi nông nghiệp (2)			Tổng (1+2)	Ghi chú
	HNK	Tổng (1)	ODT	DTT	Tổng (2)		
Chính lý	132.9	132.9	471.3	679.7	1151.0	1283.9	
Quy hoạch	132.9	132.9	206.8	679.7	886.5	1019.4	

Trong đó: Tổng diện tích:

1283.9 m²

Diện tích quy hoạch:

1019.4 m²

Đất nông nghiệp:

132.9 m²

Đất nông nghiệp:

132.9 m²

Đất phi nông nghiệp:

1151.0 m²

Đất phi nông nghiệp:

886.5 m²

Ngày 29 tháng 6 năm 2026

TRUNG TÂM TRẮC ĐỊA VÀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI

NGƯỜI LẬP

NGƯỜI KIỂM TRA

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Truyền

Nguyễn Công Thành



Nguyễn Chí Tâm